

Số: 44/LĐLĐ

Lai Châu, ngày 22 tháng 11 năm 2023

V/v triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở
tại nơi làm việc năm 2024

Kính gửi:

- Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố
- Các Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức.

- Căn cứ Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Công đoàn năm 2012;
- Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và Nghị định số 59/NĐ-CP, ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

- Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Hướng dẫn số 41/HD-TLĐ, ngày 11/11/2021 của Đoàn Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn Công đoàn tham gia đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

- Căn cứ Kế hoạch số 357/KH-TLĐ, ngày 11/9/2023 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) Việt Nam về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đề nghị LĐLĐ các huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức hướng dẫn Công đoàn cơ sở triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc năm 2024 như sau:

1. Đối với việc tham gia triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở cho cán bộ Công đoàn các cấp và CNVCLĐ để Luật đi vào cuộc sống.

- Tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế ở cơ sở (nếu có); phối hợp xây dựng chương trình hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng, ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, quy chế tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), Hội nghị người lao động (NLĐ), quy chế đối thoại và các nội quy, quy chế có liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định.

2. Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, Hội nghị NLĐ, đối thoại tại nơi làm việc

2.1. Đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ theo quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; đồng thời bám sát nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu của ngành và cơ quan, đơn vị, phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức Hội nghị đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với thực tế của đơn vị.

2.2. Đối với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước bám sát nội dung quy định tại Chương IV, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Chương V, Bộ luật Lao động năm 2019; Chương V, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Hướng dẫn số 41/HD-TLĐ, ngày 11/11/2021 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về việc hướng dẫn Công đoàn tham gia đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để tổ chức thực hiện.

* Về thương lượng, ký kết TULĐTT: Đề nghị LĐLĐ các huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ, hướng dẫn CĐCS thương lượng tập thể. Trong quá trình hỗ trợ cần định hướng cho Công đoàn cơ sở nắm bắt thông tin, lựa chọn các nội dung phù hợp với thực tế của doanh nghiệp để tổ chức thương lượng nhằm đạt được những điều kiện có lợi hơn so với quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng các bản thoả ước lao động tập thể, đáp ứng nguyện vọng của tập thể người lao động.

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh yêu cầu LĐLĐ các huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả (theo biểu mẫu gửi kèm) về LĐLĐ tỉnh (Qua Ban CSPL&QHLĐ) vào 02 kỳ: (trước ngày 05/4/2024 và trước ngày 30/10/2024), để tổng hợp; các đơn vị gửi bản mềm qua Zalo Đ/c Bùi Thị Hồng Giang số 0389.186.381.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Tổng LĐLĐ Việt Nam; B/c
- Ban Dân vận Tỉnh ủy; B/c
- VP Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, Ban CSPL&QHLĐ.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Xuân Trường

Số: /BC-LĐLĐ (CĐN)

Địa danh, ngày tháng năm 202....

BÁO CÁO
tổng hợp số liệu kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở
6 tháng đầu năm 202... hoặc năm 202...

| TT | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số lượng | Tỷ lệ (%) so với tổng số | Ghi chú |
|------------|--|-------------|----------|--------------------------|---------|
| I | Tuyên truyền, tập huấn về Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở | | | | |
| 1 | Số lớp tập huấn | Lớp | | | |
| 2 | Số người tham dự tập huấn | Người | | | |
| II | Xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở | | | | |
| 1 | Tổng số đơn vị thuộc đối tượng xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở | Đơn vị | | | |
| 2 | Số đơn vị đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở | Đơn vị | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| 2.1 | Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập | Đơn vị | | | |
| 2.2 | Doanh nghiệp Nhà nước | Đơn vị | | | |
| 2.3 | Doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước | Đơn vị | | | |
| 3 | Số đơn vị xây dựng quy chế mới trong năm | Đơn vị | | | |
| III | Tổ chức Hội nghị CBCCVC | | | | |
| 1 | Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức Hội nghị CBCCVC | Đơn vị | | | |
| 2 | Số cơ quan, đơn vị đã tổ chức Hội nghị CBCCVC | Đơn vị | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| 2.1 | Cơ quan hành chính Nhà nước | Đơn vị | | | |
| 2.2 | Đơn vị sự nghiệp công lập | Đơn vị | | | |
| 2.3 | Xã, phường, thị trấn | Đơn vị | | | |
| IV | Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc | | | | |
| 1 | Tổng số doanh nghiệp có CĐCS thuộc đối tượng thực hiện đối thoại | Đơn vị | | | |
| 2 | Số doanh nghiệp có CĐCS đã tổ chức đối thoại định kỳ | Đơn vị | | | |



| | | | | | |
|----------|---|---------------|--|--|--|
| 3 | Số cuộc đối thoại | <i>Cuộc</i> | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| 3.1 | Số CĐCS doanh nghiệp Nhà nước đã tổ chức đối thoại | <i>Đơn vị</i> | | | |
| | Số cuộc đối thoại | <i>Cuộc</i> | | | |
| 3.2 | Số CĐCS doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước tổ chức đối thoại | <i>Đơn vị</i> | | | |
| | Số cuộc đối thoại | | | | |
| 4 | Số doanh nghiệp có CĐCS đã tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên | <i>Cuộc</i> | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| 4.1 | Số CĐCS doanh nghiệp Nhà nước | <i>Cuộc</i> | | | |
| 4.2 | Số CĐCS doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước | <i>Cuộc</i> | | | |
| 5 | Số doanh nghiệp có CĐCS đã tổ chức đối thoại khi có vụ việc | <i>Cuộc</i> | | | |
| 5.1 | Số CĐCS doanh nghiệp Nhà nước | <i>Cuộc</i> | | | |
| 5.2 | Số CĐCS doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước | <i>Cuộc</i> | | | |
| 6 | Tổng số doanh nghiệp chưa có tổ chức Công đoàn có tổ chức đối thoại | <i>Cuộc</i> | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| 6.1 | Số doanh nghiệp tổ chức đối thoại định kỳ | <i>Cuộc</i> | | | |
| 6.2 | Số doanh nghiệp tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên | <i>Cuộc</i> | | | |
| 6.3 | Số doanh nghiệp tổ chức đối thoại khi có vụ việc | <i>Cuộc</i> | | | |
| 7 | Thoả ước lao động tập thể | | | | |
| 6.1 | Số doanh nghiệp tổ chức thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập thể | <i>Bản</i> | | | |
| | <i>Trong đó</i> | | | | |
| 6.1.1 | Thoả ước lao động tập thể ký mới lần đầu | <i>Bản</i> | | | |
| 6.1.2 | Thoả ước lao động tập thể có nội dung bữa ăn ca | <i>Bản</i> | | | |
| V | Tổ chức Hội nghị NLĐ | | | | |
| 1 | Tổng số doanh nghiệp thuộc đối tượng phải tổ chức Hội nghị NLĐ | <i>Đơn vị</i> | | | |
| 2 | Số doanh nghiệp đã tổ chức Hội nghị NLĐ | <i>Đơn vị</i> | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| 2.1 | Số CĐCS doanh nghiệp Nhà nước | <i>Đơn vị</i> | | | |
| 2.2 | Số CĐCS doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước | <i>Đơn vị</i> | | | |
| 3 | Số CĐCS đã xây dựng nội quy lao động | <i>Đơn vị</i> | | | |

| | | | | | |
|------------|---|--------|--|--|--|
| 4 | Số CĐCS đã xây dựng thang, bảng lương | Đơn vị | | | |
| VI | Ban Thanh tra nhân dân | | | | |
| 1 | Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đã thành lập Ban Thanh tra nhân dân | Đơn vị | | | |
| 2 | Số doanh nghiệp Nhà nước đã thành lập Ban Thanh tra nhân dân | Đơn vị | | | |
| VII | Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện QCDC ở cơ sở (Công đoàn chủ trì hoặc tham gia) | | | | |
| 1 | Tổng số đoàn kiểm tra, giám sát | Đoàn | | | |
| 2 | Tổng số đơn vị được kiểm tra, giám sát | Đơn vị | | | |

TM. BAN THƯỜNG VỤ



